

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ
Số: 200 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 29 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-UB ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Sở Y tế;

Căn cứ Tờ trình số 42/TTr-BVM ngày 17/02/2016 của Bệnh viện Mắt về việc đề nghị phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt:

1. Danh mục kỹ thuật theo tuyến gồm 185 kỹ thuật (Danh mục kèm theo).
2. Danh mục kỹ thuật của tuyến trên gồm 181 kỹ thuật (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giám đốc Bệnh viện Mắt có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược Sở Y tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bảo hiểm Xã hội tỉnh (để biết);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NVY





**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN
KHUẾ HIỆN TẠI BỆNH VIỆN MẮT BÌNH ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 200 /QĐ-SYT ngày 19 tháng 02 năm 2016
của Giám đốc Sở Y tế Bình Định)

STT	STT TT43	Tên DVKT
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
1	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giu-ông
2	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)
3	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
4	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
5	66	Đặt ống nội khí quản
6	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
7	164	Thông bàng quang
8	216	Đặt ống thông dạ dày
9	218	Rửa dạ dày cấp cứu
10	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
11	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
12	259	Rửa mắt tẩy độc
13	275	Băng bó vết thương
14	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
15	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh
II. NỘI KHOA		
16	247	Đặt ống thông hậu môn
17	339	Thụt tháo phân
III. NHI KHOA		
18	51	Ép tim ngoài lồng ngực
19	77	Đặt ống nội khí quản
20	78	Mở khí quản
21	83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản
22	105	Thổi ngạt
23	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
24	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
25	167	Đặt ống thông dạ dày
26	172	Cho ăn qua ống thông dạ dày
27	179	Thụt tháo phân
28	202	Băng bó vết thương
29	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)
30	210	Tiêm truyền thuốc
31	1670	Khâu lại mép mỏ giác mạc, củng mạc
32	1676	Cắt thị thần kinh
33	1677	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)
34	1703	Cắt chỉ khâu da
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC		
35	6	Cấp cứu cao huyết áp
36	7	Cấp cứu ngừng thở



37	8	Cấp cứu ngừng tim
38	10	Cấp cứu tụt huyết áp
39	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp
40	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ
41	70	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu
42	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
43	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn
44	116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê
45	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hayambu trong và sau mê
46	148	Rửa tay phẫu thuật
47	149	Rửa tay sát khuẩn
48	173	Theo dõi SpO ₂
49	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
50	184	Thở oxy qua mặt nạ
51	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS
52	195	Truyền dịch thường qui
XIV. MẮT		
53	83 ✓	Cắt u da mi không ghép
54	106	Đóng lỗ dò đường lệ
55	112 ✓	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
56	161 ✓	Tập nhược thị
57	164 ✓	Cắt bỏ túi lệ
58	165 ✓	Phẫu thuật mộng đơn thuần
59	166 ✓	Lấy dị vật giác mạc sâu
60	167	Cắt bỏ chấp có bọc
61	168 ✓	Khâu cò mi, tháo cò
62	170	Phẫu thuật lác người lớn
63	171 ✓	Khâu da mi đơn giản
64	172 ✓	Khâu phục hồi bờ mi
65	174 ✓	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
66	175 ✓	Khâu phủ kết mạc
67	176 ✓	Khâu giác mạc
68	177 ✓	Khâu củng mạc
69	178 ✓	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
70	180 ✓	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)
71	184 ✓	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài
72	185 ✓	Mức nội nhãn
73	186	Cắt thị thần kinh
74	187 ✓	Phẫu thuật quặm
75	190	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ
76	191 ✓	Mỏ quặm bẩm sinh
77	192 ✓	Cắt chỉ khâu giác mạc
78	193 ✓	Tiêm dưới kết mạc
79	194 ✓	Tiêm cạnh nhãn cầu
80	195 ✓	Tiêm hậu nhãn cầu
81	197 ✓	Bơm thông lệ đạo
82	198 ✓	Lấy máu làm huyết thanh
83	199 ✓	Điện di điều trị
84	200 ✓	Lấy dị vật kết mạc

H.C
SỞ
T
BIMH

85	201 ✓	Khâu kết mạc
86	202 ✓	Lấy calci kết mạc
87	203 ✓	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
88	204 ✓	Cắt chỉ khâu kết mạc
89	205 ✓	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu
90	206 ✓	Bơm rửa lệ đạo
91	207 ✓	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
92	208	Thay băng vô khuẩn
93	209	Tra thuốc nhỏ mắt
94	210 ✓	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
95	211 ✓	Rửa cùng đồ
96	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu
97	213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)
98	214	Bóc giả mạc
99	215 ✓	Rạch áp xe mi
100	216 ✓	Rạch áp xe túi lệ
101	217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc
102	218 ✓	Soi đáy mắt trực tiếp
103	219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương
104	220	Soi đáy mắt bằng Schepens
105	221 ✓	Soi góc tiền phòng
106	222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày
107	223	Khám lâm sàng mắt
108	225	Gây mê để khám
109	229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dư-ới và tạo hình 2 mi
110	233	Phẫu thuật tạo nếp mi
111	236	Phẫu thuật tạo hình mi
112	239 ✓	Chụp lỗ thị giác
113	240 ✓	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
114	250 ✓	Test thử cảm giác giác mạc
115	251	Test phát hiện khô mắt
116	252 ✓	Nghiệm pháp phát hiện Glôcôm
117	253 ✓	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm
118	254 ✓	Đo thị trường chu biên
119	255 ✓	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiötz.....)
120	256 ✓	Đo sắc giác
121	257 ✓	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
122	258 ✓	Đo khúc xạ máy
123	259 ✓	Đo khúc xạ giác mạc Javal
124	260	Đo thị lực
125	261	Thử kính
126	262 ✓	Đo độ lác
127	263 ✓	Xác định sơ đồ song thị
128	264 ✓	Đo biên độ điều tiết
129	265 ✓	Đo thị giác 2 mắt
130	266	Đo độ sâu tiền phòng
131	267 ✓	Đo đường kính giác mạc
132	275 ✓	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm

XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG		
133	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
134	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
135	35	Tập lăn trở khi nằm
136	52	Tập vận động thụ động
137	53	Tập vận động có trợ giúp
138	54	Tập vận động chủ động
139	56	Tập vận động có kháng trở
140	74	Tập thở bằng dụng cụ (bóng, spirometer...)
141	75	Tập ho có trợ giúp
142	76	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
143	85	Kỹ thuật xoa bóp vùng
144	86	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
145	92	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
146	93	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
147	94	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
148	95	Tập các vận động thô của bàn tay
149	123	Đo tầm vận động khớp
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG		
150	14 /	Điện tim thường
151	76 /	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU		
153	19 /	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
154	20 /	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy
155	21 /	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
156	22	Nghiệm pháp dây thắt
157	119 /	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
158	120 /	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
159	121 /	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
160	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
XXIII. HÓA SINH		
161	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)
162	20	Đo hoạt độ AST (GOT)
163	41 /	Định lượng Cholesterol toàn phần
164	51 /	Định lượng Creatinin
165	75 /	Định lượng Glucose
166	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
167	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
168	133 /	Định lượng Protein toàn phần
169	158	Định lượng Triglycerid
170	166 /	Định lượng Urê
171	176	Định lượng Axit Uric
172	184	Định lượng Creatinin
173	187	Định lượng Glucose
174	201 /	Định lượng Protein
175	202	Định tính Protein Bence -jones
176	205	Định lượng Urê



XXIV. VI SINH		
		A. VI KHUẨN
		1. Vi khuẩn chung
177	1	Vi khuẩn nhuộm soi
178	2 /	Vi khuẩn test nhanh
179	3 /	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
180	6 /	Vi khuẩn kháng thuốc định tính
		D. VI NẤM
181	319 /	Vi nấm soi tươi
182	320 /	Vi nấm test nhanh
183	321	Vi nấm nhuộm soi
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC		
184	76	Nhuộm Giemsa
XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ		
185	66	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt



DANH MỤC KỸ THUẬT TUYỂN TRÊN

THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN MẮT BÌNH ĐỊNH



Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-SYT ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Giám đốc Sở Y tế Bình Định)

STT	STT TT43	Tên DVKT
III. NHI KHOA		
1	1574	Nội thông lệ mũi ± đặt ống Silicon ± áp MMC
2	1632	Cắt bề có sử dụng thuốc chống chuyển hoá: Áp hoặc tiêm 5FU
3	1633	Cắt bề có sử dụng thuốc chống chuyển hoá: Áp Mytomycin C
4	1634	Cắt củng mạc sâu đơn thuần
5	1635	Rạch góc tiền phòng
6	1653	Khám mắt và điều trị có gây mê
VII. NỘI TIẾT		
7	235	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTD (kiểm soát đường huyết kém) (danh từ tiểu phẫu cần ghi rõ)
IX. GÂY Mê HỒI SỨC		
8	3093	Gây tê phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non
9	3095	Gây tê phẫu thuật bóc biểu mô GM (xâm nhập dưới vạt) sau phẫu thuật Lasik
10	3103	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện
11	3104	Gây tê phẫu thuật bong võng mạc trên mắt độc nhất, gàn mù
12	3143	Gây tê phẫu thuật cắt bề củng giác mạc (Trabeculectomy)
13	3159	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hờ mi
14	3160	Gây tê phẫu thuật cắt cơ Muller
15	3362	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
16	3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
17	3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
18	3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
19	3378	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không vá
20	3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
21	3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
22	3475	Gây tê phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mi (2 mắt)
23	3477	Gây tê phẫu thuật cố định bao Tenon tạo củng đồ dưới
24	3480	Gây tê phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
25	3503	Gây tê phẫu thuật đặt ống silicon lệ quán – ống lệ mũi
26	3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
27	3516	Gây tê phẫu thuật di thực hàng lông mi
28	3540	Gây tê phẫu thuật điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bề (Trabeculoplasty)
29	3543	Gây tê phẫu thuật điều trị hờ mi
30	3560	Gây tê phẫu thuật điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)



31	3687	Gây tê phẫu thuật ghép màng ói, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
32	3704	Gây tê phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt đục nhất, gàn mù
33	3705	Gây tê phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
34	3708	Gây tê phẫu thuật hạ mi trên (chính chỉ, lùì cơ nâng mi ...)
35	3714	Gây tê phẫu thuật hẹp khe mi
36	3718	Gây tê phẫu thuật kéo dài cân cơ nâng mi
37	3839	Gây tê phẫu thuật lác người lớn
38	3840	Gây tê phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)
39	3841	Gây tê phẫu thuật lác thông thường
40	3857	Gây tê phẫu thuật laser excimer điều trị tật khúc xạ
41	3858	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
42	3859	Gây tê phẫu thuật laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
43	3860	Gây tê phẫu thuật laser mở bao sau đục
44	3882	Gây tê phẫu thuật lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
45	3885	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu
46	3886	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt
XII. UNG BƯỚU		
47	97	Cắt u mi cả bề dày không vá
48	106	Cắt u kết mạc, giác mạc không vò
49	107	Cắt u kết mạc không vá
XIV. MẮT		
50	1	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt đục nhất, gàn mù
51	4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất
52	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
53	6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên
54	9	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo
55	10	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt đục nhất, gàn mù
56	12	Tháo dầu Silicon nội nhãn
57	14	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn
58	17	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn
59	19	Cắt dịch kính điều trị viêm mù nội nhãn
60	23	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện
61	24	Tháo đai độn củng mạc
62	25	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên
63	28	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi
64	29	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)
65	32	Mở bao sau đục bằng laser
66	34	Laser excimer điều trị tật khúc xạ

67	35	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ
68	36	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)
69	37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik
70	38	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser
71	40	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị
72	41	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL
73	42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL
74	43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL
75	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
76	45	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL
77	46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
78	47	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
79	48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)
80	49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính
81	50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử
82	51	Mở bao sau bằng phẫu thuật
83	61	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
84	62	Nối thông lệ mũi nội soi
85	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ
86	64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản – ống lệ mũi
87	65	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
88	66	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
89	67	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu
90	68	Gọt giác mạc đơn thuần
91	69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc
92	70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối
93	72	Lấy dị vật trong củng mạc
94	73	Lấy dị vật tiền phòng
95	74	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm
96	75	Cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp
97	76	Vá da, niêm mạc tạo củng đồ có hoặc không tách dính mi cầu
98	79	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi
99	84	Cắt u mi cả bề dày không ghép
100	85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
101	86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
102	87	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da



103	88 ✓	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
104	89 ✓	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
105	97 ✓	Nạo vét tổ chức hốc mắt
106	98 ✓	Chích mù hốc mắt
107	104	Tái tạo cùng đồ
108	107 ✓	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ
109	108 ✓	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)
110	109 ✓	Phẫu thuật lác thông thường
111	110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ
112	111 ✓	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác
113	113	Chỉnh chỉ sau mổ lác
114	115	Sửa sẹo sau mổ lác
115	116 ✓	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
116	118 ✓	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
117	119 ✓	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi
118	120 ✓	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi
119	122	Cắt cơ Muller
120	124 ✓	Vá da tạo hình mi
121	125 ✓	Phẫu thuật tạo hình nếp mi
122	126 ✓	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi
123	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
124	129 ✓	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo
125	130	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII
126	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi
127	132 ✓	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép
128	135 ✓	Phẫu thuật Epicanthus
129	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
130	139	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox,
131	142 ✓	Phẫu thuật Doenig
132	143	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng
133	145 ✓	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
134	146	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)
135	147 ✓	Cắt bẻ sử dụng thuốc chống chuyển hoá hoặc chất antiVEGF
136	148 ✓	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
137	149	Mở góc tiền phòng
138	150 ✓	Mở bẻ có hoặc không cắt bẻ
139	151 ✓	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm
140	152 ✓	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)
141	153 ✓	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm
142	154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng



143	155	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ôi, củng mạc
144	156	Sửa sẹo bong bằng kim (Phẫu thuật needling)
145	157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm
146	158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)
147	162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)
148	163	Rửa chất nhân tiền phòng
149	179	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc
150	188	Phẫu thuật quặm tái phát
151	189	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)
152	224	Đo thị giác tương phản
153	234	Phẫu thuật điều trị hở mí
154	235	Phẫu thuật tạo củng đồ để lắp mắt giả
155	237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)
156	242	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu
157	243	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu
158	244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang
159	245	Chụp đáy mắt RETCAM
160	246	Chụp mạch với ICG
161	249	Siêu âm bán phần trước
162	268	Đo độ dày giác mạc
163	269	Đếm tế bào nội mô giác mạc
164	270	Chụp bản đồ giác mạc
165	277	Test thử nhược cơ
166	278	Test kéo cơ cưỡng bức
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG		
167	6	Siêu âm hốc mắt
168	8	Siêu âm nhãn cầu
169	74	Siêu âm A/B
170	94	Chụp cắt lớp võng mạc (Optical Coherence Tomography)
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU		
171	122	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)
172	141	Tập trung bạch cầu
XXIV. VI SINH		
A. VI KHUẨN		
1. Vi khuẩn chung		
173	4	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động
174	5	Vi khuẩn nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động
D. VI NẤM		
175	322	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
176	323	Vi nấm nuôi cấy và định danh hệ thống tự động
177	324	Vi nấm nuôi cấy, định danh và kháng thuốc hệ thống tự động

H.C
 SỞ
 TẾ
 H.Đ.

178	325	Vi nấm kháng định
XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ		
179	40	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt
180	79	Điều trị chướng co mi trên bằng botox
181	80	Điều trị chướng co giật mi trên bằng botox

